TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **69**/2024/DS-ST
Ngày: 31 - 5 - 2024.
V/v tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thanh Lâm.

Bà Phạm Thị Thu Trang.

- ***Thư ký phiên Tòa:*** Bà Trần Thị Thảo Nguyên – là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Ngày 31 tháng 5 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2024/TLST- DS ngày 08 tháng 01 năm 2024 về tranh chấp *"Hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 99/2024/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 4 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên Tòa số 74/2024/QĐST- DS ngày 14 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Trần Thị Ngọc H,** sinh ngày 03/7/1973 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn:* **Bà Nguyễn Thị Kiều T,** sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp H, xã D, huyện D, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/9/2023, bản tự khai ngày 11/3/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, bà Trần Thị Ngọc H trình bày:*

Vào ngày 09/03/2018 (âm lịch) nhằm ngày 24/4/2018, do chỗ quen biết nên bà Nguyễn Thị Kiều T có vay của bà số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng). Khi vay có làm giấy tay mượn tiền, lãi suất tự thỏa thuận không nói cụ thể bao nhiêu một tháng, không thỏa thuận thời gian trả, mục đích vay để bà T làm vốn mua bán trái cây (nhãn).

Bà yêu cầu bà T trả số tiền nợ gốc là 40 triệu đồng nhưng bà T cứ hẹn cầm sổ đất sẽ trả, sau lại hẹn bán nền nhà trả. Bà cho bà T thêm thời gian nhưng bà T vẫn không trả tiền, nên bà đã làm đơn yêu cầu hòa giải gửi Ủy ban nhân dân xã Long Định, huyện Bình Đại.

Ngày 03/05/2022, Ủy ban nhân dân xã Long Định, huyện Bình Đại có tiến hành hòa giải. Tại buổi hòa giải, bà T đồng ý trả 40.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 03/06/2022 đến ngày 03/06/2023 trả 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Số tiền còn lại 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bà T sẽ trả góp cho bà mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Đến thời hạn 03/06/2023, bà T không trả số tiền 30.000.000 đồng và góp hàng tháng 500.000 đồng như đã thỏa thuận, mặc dù bà đã nhiều lần yêu cầu trả nợ nhưng bà T cố tình tránh mặt hoặc viện dẫn nhiều lý do để không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Bà điện thoại thì bà T không nghe máy, gặp trực tiếp yêu cầu trả nợ thì bà T cứ hẹn hết lần này đến lần khác.

Trong quá trình vay, bà T đóng lãi được 03 tháng đầu, sau đó một thời gian bà T có trả lãi tiếp cho bà nhiều lần, tổng cộng lại là 24.300.000 đồng nhưng từ khi vay ngày 09/03/2018 (âm lịch) đến nay khoảng 06 năm rồi.

Nay bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kiều T phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng) và không yêu cầu tính lãi suất.

Tại phiên Tòa: Nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, không thay đổi gì.

***** Đối với bà Nguyễn Thị Kiều T là bị đơn, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, đã được Toà án triệu tập hợp lệ nhưng bà đều vắng mặt, mặc dù bà vẫn còn sinh sống tại địa phương, nên không thu thập được lời khai của bà.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1]. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Kiều T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để xét xử, nhưng bà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án xét xử vắng mặt bà T là phù hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Ngày 09/3/2018 (âm lịch) bà H có cho bà T vay tiền và số nợ hiện còn nợ là 40.000.000 đồng cho đến nay vẫn chưa trả. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà T có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ vay là 40.000.000 đồng và không tính lãi suất. Do đó, quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này được xác định là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự năm 2015 và khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo Đơn xin xác nhận ngày 29/8/2023 của Công an xã Long Định, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xác nhận bà Nguyễn Thị Kiều T có đăng ký thường trú và hiện còn đang sinh sống tại ấp Long Hòa 1, xã Long Định, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết theo trình tự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại.

* *Về nội dung:*

- Xét yêu cầu khởi kiện của bà H buộc bà T có nghĩa vụ trả số tiền nợ vay 40.000.000 đồng và không tính lãi suất.

Cơ sở chứng cứ: Giấy mượn tiền đề ngày 09/3 (âm lịch), Biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã Long Định ngày 03/5/2022.

[4]. *Hội đồng xét xử xét thấy:* Theo lời khai của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên Tòa, đều xác định giữa bà H và bà T có giao dịch vay tiền với nhau vào năm 2018 và số nợ hiện bà T còn nợ bà H là 40.000.000 đồng.

Tại biên bản Hòa giải xã ngày 03/5/2022 bà T thừa nhận có vay và đồng ý trả 40.000.000 đồng trong thời gian từ ngày 03/06/2022 đến ngày 03/06/2023 trả 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng). Số tiền còn lại 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng), bà T sẽ trả góp cho bà H mỗi tháng 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng). Lời thừa nhận này là tự nguyện, phù hợp với lời khai của nguyên đơn và chứng cứ do nguyên đơn giao nộp có trong hồ sơ vụ án, cụ thể là "*Giấy mượn tiền đề ngày 09/3 (âm lịch), Biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã Long Định ngày 03/5/2022*". Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, xác định đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh và công nhận sự thật nêu trên.

Từ cơ sở trên, xác định được giữa bà H và bà T có quan hệ giao dịch vay tiền, được 02 bên thiết lập trên tinh thần tự nguyện, có làm giấy tay, có thỏa thuận lãi suất, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, nên được xem là Hợp đồng vay không kỳ hạn và có tính lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015. Qua Hợp đồng vay thấy rằng, bà T đã sử dụng hết quyền nhận tài sản, nhưng chưa thực hiện nghĩa vụ trả vốn và lãi đầy đủ cho bà H, nên bà H khởi kiện yêu cầu bà T trả 40.000.000 đồng là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về lãi suất:

Bà H chỉ yêu cầu trả vốn và không yêu cầu trả lãi suất. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của bà và phù hợp với quy định của pháp luật, nên được Hội đồng xét xử ghi nhận.

[6]. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nhận toàn bộ, nên bà T phải chịu án phí của số tiền 40.000.000 đồng là:

40.000.000 đồng x 5% = 2.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, 466, khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228; khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc H đối với bà Nguyễn Thị Kiều T về việc "*Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản*".

2. Buộc bà Nguyễn Thị Kiều T phải có nghĩa vụ trả cho bà Trần Thị Ngọc H số tiền nợ vay là 40.000.000 đồng (Bốn mươi triệu đồng).

3. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Trần Thị Ngọc H không yêu cầu trả lãi suất của số tiền nêu trên.

4.*Về nghĩa vụ chậm thi hành án:*

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch:

5.1. Bà Nguyễn Thị Kiều T phải chịu là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng).

5.2. Bà Trần Thị Ngọc H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.000.000 đồng (Một triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0003253 ngày 08 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bà Trần Thị Ngọc H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với bà Nguyễn Thị Kiều T vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre (phòng KTNV và THA);
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Mỹ Duyên